

ĐƠN ĐĂNG KÝ (ĐƠN YÊU CẦU CHI TRẢ) TRỢ CẤP HỖ TRỢ NUÔI CON ỨNG PHÓ GIÁ CẢ TĂNG CAO 物価高対応子
育て応援手当申請書(請求書)

Thành phố/ quận nơi đăng ký cư trú thời điểm ngày 30/9/2025
※Đối với người nhận trợ cấp trẻ em cho trẻ sinh từ ngày 1/10/2025 đến ngày 31/3/2026, hoặc người mới nhận trợ cấp trẻ em do ly hôn, v.v. trong khoảng thời gian này, thì ghi theo thành phố/ quận nơi đã đăng ký cư trú tại thời điểm được công nhận hưởng trợ cấp

Thưa ngài Thị trưởng Hikone



Ngày ghi năm tháng ngày

記入日

令和8年 月 日

1. 申請・請求者 (Người đăng ký / yêu cầu chi trả)

(フリガナ Tên Katakana) 氏 名 姓 名	性別 Giới tính	生年月日 Ngày tháng năm sinh	申請・請求者の現住所 Địa chỉ hiện tại của người làm đơn / yêu cầu chi trả
氏 名 姓 名	性別 Giới tính	生年月日 Ngày tháng năm sinh	申請・請求者の現住所 Địa chỉ hiện tại của người làm đơn / yêu cầu chi trả
Số điện thoại 電話 ()			Địa chỉ của người làm đơn/ yêu cầu chi trả (nơi đăng ký cư trú thời điểm ※Đối với người nhận trợ cấp trẻ em cho trẻ sinh từ ngày 1/10/2025 đến ngày 31/3/2026, hoặc người mới nhận trợ cấp trẻ em do ly hôn, v.v. trong khoảng thời gian này, thì ghi theo thành phố/ quận nơi đăng ký cư trú tại thời điểm được công nhận hưởng trợ cấp ※Nếu người nộp đơn không phải là công chức, hoặc là công chức nhưng địa chỉ hiện tại trùng với địa chỉ đã đăng ký, thì không cần điền.
Cơ quan trực thuộc			

* Có thể ghi tên thay cho việc ký tên đóng dấu.

※Tôi nộp đơn này sau khi cam kết và đồng ý với các mục (1)~(7) ở mặt sau.

2. 対象児童 (Trẻ em thuộc đối tượng)

Hãy điền thông tin về trẻ em thuộc đối tượng trợ cấp theo (1) hoặc (2) dưới đây.

- (1) Trẻ em được trợ cấp trẻ em cho phần tháng 9 năm 2025 (phần tháng 10/2025 đối với trẻ sinh trong tháng 9/2025)
(2) Trẻ em sinh trong khoảng từ 1/10/2025 đến 31/3/2026

No.	(フリガナ Tên katakana) 氏 名 姓 名	続柄 Quan hệ	性別 Giới tính	生年月日 Ngày tháng năm sinh	同居・別居の別 Sống chung/riêng	住所(別居の場合のみ記入) Địa chỉ (chỉ ghi trong trường hợp sống riêng)
1				平成・令和 năm tháng ngày 年 月 日	Chung / Riêng 同・別	
2				平成・令和 năm tháng ngày 年 月 日	Chung / Riêng 同・別	
3				平成・令和 năm tháng ngày 年 月 日	Chung / Riêng 同・別	
4				平成・令和 năm tháng ngày 年 月 日	Chung / Riêng 同・別	
5				平成・令和 năm tháng ngày 年 月 日	Chung / Riêng 同・別	

※Về tình trạng sống chung hay sống riêng, vui lòng chọn theo tình trạng tại thời điểm ngày 30/9/2025 (đối với người nhận trợ cấp trẻ em liên quan đến trẻ sinh từ ngày 1/10/2025 đến ngày 31/3/2026, hoặc đối với người trở thành người nhận trẻ em mới do ly hôn, v.v. trong khoảng thời gian từ ngày 1/10/2025 đến 31/3/2026)

3. 申請額・請求額 (Số tiền đăng ký / yêu cầu chi trả)

Số trẻ đối tượng 対象児童数	người 人	Số tiền đăng ký / yêu cầu chi trả 申請額・請求額	yên 円
---------------------------	------------	---	----------

※Mỗi trẻ em thuộc đối tượng sẽ được 20.000 yên.

Ô chứng nhận tình trạng nhận trợ cấp trẻ em của công chức (trường hợp người đăng ký là công chức)

Ô chứng nhận Số phụ

※Ô này sẽ do cơ quan trực thuộc điền thông tin, nên người đăng ký / yêu cầu chi trả vui lòng không điền gì vào.

Chúng tôi chứng nhận rằng nội dung đơn đăng ký/ yêu cầu chi trả nêu trên là đúng sự thật, và người đăng ký / yêu cầu chi trả nêu trên là người đang nhận trợ cấp trẻ em của trẻ em thuộc đối tượng trợ cấp.

Ngày tháng năm 2026

Người
chứng nhận

印 (đóng dấu)

Phụ trách chứng nhận
Ban (phòng) phụ trách / người phụ trách
Số điện thoại

(Nhất định hãy xem cả mặt sau.)

4. 受取方法 (Cách thức nhận tiền)

☐ ア 公金口座への振込みをご希望の場合 Trường hợp muốn chuyển vào tài khoản công

Số cá nhân 個人番号																			
-----------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

☐ イ 児童手当振込口座等の指定の金融機関口座（原則、1. の申請・請求者の口座とします。）への振込みを希望
Chuyển tiền vào tài khoản đã đăng ký nhận trợ cấp trẻ em (về nguyên tắc sẽ tài khoản của người đăng ký / yêu cầu chi trả ở mục 1)
※Vui lòng đính kèm giấy tờ xác minh tài khoản ngân hàng muốn chuyển tiền.

【Ô điền thông tin tài khoản nhận tiền】

Tên ngân hàng 金 融 機 関 名		Tên chi nhánh 支店名		Phân loại 分類	Số tài khoản 口座番号 (Hãy viết đơn về bên phải.)	(Tên katakana フリ ガ ナ) Tên chủ tài khoản 口 座 名 義
1.銀行 5.農協 2.金庫 6.漁協 3.信組 7.信漁連 4.信連		本・支店 本・支所 出張所		1.普通(thường) 2.当座(vãng lai)		
Mã ngân hàng 金融機関番号		Số chi nhánh 店番号				

※Trường hợp chỉ định ngân hàng Yucho, vui lòng điền "Tên chi nhánh, loại tài khoản, số tài khoản (7 số)" (có in phía dưới trang đầu tiên của sổ ngân hàng sau khi mở ra).
※Vui lòng đừng chọn tài khoản đã lâu không có giao dịch.

【Các điều khoản cam kết và đồng ý】

- (1) Tôi thuộc đối tượng đáp ứng điều kiện hưởng Trợ cấp hỗ trợ nuôi con ứng phó giá cả tăng cao.
- (2) Tôi đồng ý để chính quyền thành phố/quận/thị trấn tiến hành xác minh các số công (cơ sở dữ liệu hành chính) cần thiết nhằm thẩm tra điều kiện hưởng trợ cấp nêu trên, đồng thời cho phép việc yêu cầu cung cấp các tài liệu cần thiết từ các cơ quan hành chính khác.
- (3) Trường hợp không thể xác minh qua sổ công, tôi sẽ nộp các giấy tờ liên quan theo yêu cầu.
- (4) Sau khi chính quyền thành phố/quận/thị trấn ra quyết định chi trả, đơn này sẽ được xem như là đơn yêu cầu thanh toán Trợ cấp hỗ trợ nuôi con ứng phó giá cả tăng cao.
- (5) Sau khi có quyết định chi trả, nếu việc thanh toán không thể hoàn tất do sai sót trong đơn (ví dụ: không thể chuyển khoản), và cơ quan không thể liên hệ/xác nhận với người nộp đơn trong thời hạn quy định, thì đơn này sẽ được xem như đã bị rút lại.

Giấy tờ xác nhận tài khoản ngân hàng được chuyển tiền

※Bản photo sổ ngân hàng hoặc thẻ ATM của tài khoản nhận tiền có in các thông tin: Tên ngân hàng, số tài khoản, tên chủ tài khoản (chữ katakana) 受取口座の金融機関名、口座番号、口座名義人（カナ）が分かる通帳やキャッシュカードの写し

(4 . Vui lòng nộp nếu bạn đã chọn cách thức nhận tiền trợ cấp là 「イ」
取方法の「イ」を選択した場合は提出してください。)

受